

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HS-ST
Ngày: 23-4-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Ân

Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm: Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh và điểm cầu thành phần: Phân trại tạm giam Tân Lân thuộc Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh T mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2026/TLST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2026/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

Trần Ngọc D, sinh năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: Số C, đường N, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp B M, xã M, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: không; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Ngọc H và bà Cung Thị T; bản thân có vợ tên Nguyễn Thị T1 và có 01 người con sinh năm 2008; tiền sự: không;

Tiền án:

Tại Bản án số: 13/2020/HS-ST ngày 23/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xử phạt Trần Ngọc D 03 năm tù về tội “Tàng trữ tiền giả”.

Tại Bản án số: 17/2020/HS-ST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xử phạt Trần Ngọc D 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Nhân thân:

Tại Bản án số: 132/HS ngày 03/4/1998, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Ngọc D 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp giật tài sản công dân”.

Tại Bản án số: 302/2011/HSST ngày 30/9/2011, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Ngọc D 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép

chất ma túy”.

Tại Bản án số: 93/2014/HSST ngày 29/10/2014, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xử phạt Trần Ngọc D 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngày 05/4/2017, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với ông Trần Ngọc D với thời hạn 02 năm, chấp hành xong ngày 15/02/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/10/2025 cho đến nay (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Ông Võ Văn S, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Tây Ninh.

- Bà Nguyễn Thị Lan H1, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

- *Người làm chứng:* Ông Trần Hồng Châu Nhật T2, sinh năm 1994 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc D và bà Nguyễn Thị Lan H1 có quan hệ tình cảm, sống chung tại phòng A5, Khu N M, xã M, tỉnh Tây Ninh. Ngày 22/10/2025, do cần ma túy sử dụng, D đến khu vực xã M giáp ranh Thành phố Hồ Chí Minh mua 800.000đồng ma túy từ người thanh niên tên N (không xác định nhân thân, lai lịch) đem về phòng trọ. Lợi dụng trong phòng không có ai, D lấy ma túy ra sử dụng một phần, phần ma túy còn lại D chia làm 02 phần bỏ vào túi nylon có rãnh kép, một phần ma túy D cất trên gác chỗ D ngủ trong phòng trọ, phần còn lại D cất trong ví để vào túi quần bên phải đang mặc.

Khoảng 18 giờ 30 phút cùng, D điều khiển xe mô tô biển số 62H1-257.39 chở H1 đi công việc, khi đến ấp B M, xã M, tỉnh Tây Ninh lực lượng Công an xã M tuần tra yêu cầu kiểm tra hành chính thì D có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra phát hiện bắt quả tang: trong ví của D để trong túi quần bên phải có giấu túi nylon, bên trong chứa tinh thể màu trắng được niêm phong còn nguyên vẹn, ký hiệu M1.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét phòng trọ của D tại phòng A5, Khu N M, thu giữ tại vị trí trên gác chỗ ngủ của D: 01 chai nhựa trên nắp có gắn ống hút; 01 ống thủy tinh có đầu tròn bên trong có chứa tinh thể màu trắng ngả vàng; 01 túi nylon hàn kín bên trong chứa chất bột màu hồng; 02 đoạn ống hút nhựa hàn kín 02 đầu bên trong chứa chất bột màu trắng được niêm phong còn nguyên vẹn, ký hiệu M2.

Tại Kết luận giám định số: 2367/KL-KTHS ngày 29/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, giám định và kết luận:

Bì thư ký hiệu M1: tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon màu trắng có rãnh kép được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,3398gam.

Bì thư ký hiệu M2:

- Chất bột màu hồng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khếp được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0412gam.

- Tinh thể màu trắng đựng trong 02 đoạn ống hút bằng nhựa được niêm phong gửi đi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,725gam.

- Tinh thể màu trắng ngả vàng bám dính trong 01 ống thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại Methamphetamine, mẫu rất ít không xác định được khối lượng.

Không hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu chất bột màu hồng và tinh thể màu trắng ngả vàng đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

H2 lại đối tượng giám định: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 1,1415gam (tinh thể màu trắng Methamphetamine-bì thư ký hiệu M1); 0,5236gam (tinh thể màu trắng Ketamine-bì thư ký hiệu M2), hoàn lại ống thủy tinh và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị cáo Trần Ngọc D thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Hành vi của bị cáo bị truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng tội bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSTNH-KV4 ngày 02/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh đã truy tố bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc D từ 04 năm đến 05 năm tù.

2. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 1,1415gam (tinh thể màu trắng Methamphetamine-bì thư ký hiệu M1); 0,5236gam (tinh thể màu trắng Ketamine-bì thư ký hiệu M2); ống thủy tinh và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong.

- Giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định: 01 xe mô tô 62H1-257.39.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã được thông báo nội dung Kết luận giám định số: 2367/KL-KTHS ngày 29/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T. Bị cáo thống nhất nội dung kết luận giám định.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[2]. Xét nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Ngọc D thừa nhận hành vi đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSTNH-KV4 ngày 02/4/2026 đã mô tả. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo D là người có đầy đủ năng lực, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Do cần có ma túy để sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Ngày 22/10/2025, bị cáo tìm gặp người thanh niên tên N (không xác định nhân thân, lai lịch) mua gói ma túy với số tiền 800.000đồng đem về phòng trọ cất giấu, để sử dụng. Bị cáo chia ma túy ra làm 02 phần, cất giữ trong người một phần, phần còn lại cất trên gác tại phòng A5, Khu N M, xã M, tỉnh Tây Ninh. Tại Kết luận giám định số: 2367/KL-KTHS ngày 29/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh T, giám định và kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 túi nylon màu trắng có rãnh khếp được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 1,3398gam. Chất bột màu hồng đựng trong 01 túi nylon có rãnh khếp được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0412gam. Tinh thể màu trắng đựng trong 02 đoạn ống hút bằng nhựa được niêm phong gửi đi giám định là ma túy, loại Ketamine, có khối lượng 0,725gam. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất gây nghiện, chất hướng thần của Nhà nước, ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, là mầm mống của các loại tội phạm khác. Như vậy, hành vi đã thực hiện của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Tây Ninh đã truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án số: 13/2020/HS-ST ngày 23/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã xử phạt Trần Ngọc D 03 năm tù về tội “Tàng trữ tiền giả” và Bản án số: 17/2020/HS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã xử phạt Trần Ngọc D 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành án xong 02 bản án ngày 18/11/2024, chưa được xóa án tích. Bị cáo tiếp tục phạm tội mới với lỗi cố ý, thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo đang điều trị bệnh hiểm nghèo nên Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Xét hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, nhiều lần bị tòa án kết án nhưng không biết hối cải, tiếp tục phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trong đấu tranh phòng, chống tội phạm. Khi lượng hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức hình phạt vừa thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật và đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình, xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo với mức hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù là phù hợp với tính chất của vụ án và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp tạo thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 1,1415gam (tinh thể màu trắng Methamphetamine-bì thư ký hiệu M1); 0,5236gam (tinh thể màu trắng Ketamine-bì thư ký hiệu M2); ống thủy tinh và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong.

- Giao cho Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý theo quy định: 01 xe mô tô biển số 62H1-257.39 do ông Võ Văn S đứng tên giấy đăng ký xe.

[8.]. Đối với các hành vi liên quan: Đối với thanh niên tên “Nhàn”, chưa rõ nhân thân, lai lịch đã bán ma túy cho bị cáo D với số tiền 800.000đồng. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, lập hồ sơ để xử lý đối tượng theo quy định.

Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị Lan H1: Bà H1 khai, bà sống chung nhà trọ với bị cáo D, bà không biết bị cáo mua ma túy về cất giữ trong phòng trọ để sử dụng; bị cáo D khai, bị cáo mua ma túy về cất giữ trong phòng trọ để sử dụng từ từ, bị cáo không nói cho bà H1 biết. Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà H1 là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22/10/2025.

2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Ngọc D 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (là ngày 23/4/2026) để đảm bảo việc thi hành án.

3. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu còn lại sau giám định có khối lượng 1,1415 gam (tinh thể màu trắng Methamphetamine-bì thư ký hiệu M1); 0,5236gam (tinh thể màu trắng Ketamine-bì thư ký hiệu M2); ống thủy tinh và vỏ bao đựng mẫu được niêm phong.

(Vật chứng hiện Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 - Tây Ninh đang giữ theo quyết định chuyển vật chứng ngày 02/4/2026).

- Giao 01 (một) xe mô tô biển số 62H1-257.39 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiếp tục tạm giữ xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc D phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 4 - Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Tây Ninh;
- Phân trại tạm giam Tân Lân thuộc Trại tạm giam số 2, tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: AV, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đông